

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)  
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)  
Số trẻ: 35  
Số tiền mỗi trẻ: 37,000

**Thực đơn:**  
Sáng: Bánh mì cà ri thịt gà, khoai tây, khoai môn, sả cây, sữa tươi, ngò gai  
- Uống sữa netsure  
Trưa: Cơm trắng  
- Canh thịt heo khoai lang, húng quế.  
- Cá chẻm sốt cà chua, hành lá, ngò rí  
- Cải ngồng luộc  
Xế: Chuối cau  
Chiều: Bánh canh cua biển, củ cải, nấm bào ngư, củ cải bó xôi, su su, hành phi

| Stt | Mã hàng | Tên thực phẩm               | Khối lượng thực (g) | Đơn giá (đồng/100g) | Thành tiền (đồng) |
|-----|---------|-----------------------------|---------------------|---------------------|-------------------|
|     | * CHỢ   |                             |                     |                     |                   |
| 1   | 0695    | Dầu thực vật Tường An       | 300                 | 3,140               | 9,420             |
| 2   | 0494    | Đường cát                   | 300                 | 3,880               | 11,640            |
| 3   | 0522    | Nước mắm cá (loại đặc biệt) | 0                   | 6,160               | 0                 |
| 4   | 0523    | Nước mắm loại I             | 200                 | 4,400               | 8,800             |
| 5   | N0966   | Muối Iot                    | 200                 | 740                 | 1,480             |
| 6   | 0004    | Gạo tẻ máy                  | 1,500               | 2,560               | 38,400            |
| 7   | 0120    | Hành lá (hành hoa)          | 100                 | 5,250               | 5,250             |
| 8   | 0164    | Rau mùi (ngò rí)            | 50                  | 8,720               | 4,360             |
| 9   | 0119    | Hành tím (hành củ tươi)     | 50                  | 6,300               | 3,150             |
| 10  | 0185    | Tỏi ta                      | 50                  | 7,460               | 3,730             |
| 11  | N0776   | Bánh mì                     | 700                 | 4,600               | 32,200            |
| 12  | N0772   | Thịt ức gà                  | 500                 | 12,920              | 64,600            |
| 13  | 0037    | Khoai tây                   | 200                 | 4,520               | 9,040             |
| 14  | 0033    | Khoai môn                   | 200                 | 6,510               | 13,020            |
| 15  | N0754   | Sả cây                      | 50                  | 2,840               | 1,420             |
| 16  | 0686    | Sữa tươi Vinamilk           | 1,000               | 900                 | 9,000             |
| 17  | 0165    | Rau mùi tàu (ngò gai)       | 50                  | 6,510               | 3,255             |
| 18  | 0727    | Cá chẻm                     | 1,500               | 22,260              | 333,900           |
| 19  | 0087    | Cà chua                     | 300                 | 7,350               | 22,050            |
| 20  | 0365    | Thịt heo (nạc vai)          | 300                 | 18,800              | 56,400            |
| 21  | 0031    | Khoai lang                  | 500                 | 4,730               | 23,650            |
| 22  | N0846   | Rau é (húng quế trắng)      | 50                  | 11,030              | 5,515             |
| 23  | 0717    | Cải ngồng                   | 0                   | 4,310               | 0                 |
| 24  | 0747    | Chuối cau                   | 1,500               | 2,680               | 40,200            |
| 25  | N0753   | Bánh canh                   | 400                 | 2,860               | 11,440            |

|                                |       |                   |          |        |           |
|--------------------------------|-------|-------------------|----------|--------|-----------|
| 26                             | 0406  | Cua biển (cua bể) | 200      | 92,950 | 185,900   |
| 27                             | 0103  | Củ cải trắng      | 200      | 3,050  | 6,100     |
| 28                             | N0778 | Nấm bào ngư       | 100      | 12,600 | 12,600    |
| 29                             | N0779 | Cải bó xôi        | 100      | 7,980  | 7,980     |
| 30                             | 0180  | Su su             | 100      | 3,260  | 3,260     |
| 31                             | 0457  | Sữa bột toàn phần | 1,791.41 | 20,500 | 367,239   |
| Tổng cộng                      |       |                   |          |        | 1,294,999 |
| Tổng tiền thực phẩm            |       |                   |          |        | 1,294,999 |
| Tổng chi phí khác              |       |                   |          |        | 0         |
| Tiền được chi trong ngày       |       |                   |          |        | 1,294,999 |
| Số dư đầu ngày                 |       |                   |          |        | -1        |
| Số dư cuối ngày                |       |                   |          |        | 0         |
| Suất ăn lũy kế từ đầu tháng    |       |                   |          |        | 214       |
| Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng |       |                   |          |        | 7,918,000 |
| Tiền chi lũy kế từ đầu tháng   |       |                   |          |        | 7,917,999 |

Phó Hiệu Trưởng

Cấp dưỡng

Kế Toán

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Lưu

Ngô Thị Ngọc Lan



